

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-PT
Ngày: 11-3-2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga
- *Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Quý Chi
Bà Lê Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/3/2020 và ngày 11/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 147/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1961 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Th, P. T, TX. Đ, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:*
+ Bà Ngô Minh Ch, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Số 746, P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

+ Bà Ngô Thị M, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 2, xã Th, huyện Th, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Tạ Văn B, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 746, Phú Riêng Đỏ, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạnh: Bà Nguyễn Thị Kim D (có mặt).
Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố Th, P. T, TX. Đ, tỉnh Bình Phước.
* Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Vào ngày 09/7/2009, bà Ngô Minh Ch và bà Ngô Thị M có vay bà số tiền 200.000.000 đồng. Riêng bà Ngô Minh Ch ngày 05/02/2010 có vay bà số tiền 250.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nợ bà M và bà Ch có ký tên. Bà khởi kiện yêu cầu bà M và bà Ch phải trả bà số tiền 450.000.000 đồng.

Tại đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/11/2017 bà Nguyễn Thị Kim D rút một phần yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2017 đối với yêu cầu bà Ch phải trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền này bà cho bà Ch vay riêng nên bà sẽ khởi kiện bà Ch tại Tòa án nhân dân thành phố Đ sau. Nay bà chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc bà Ngô Minh Ch và bà Ngô Thị M phải liên đới trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Ngô Thị M trình bày:

Khoảng thời gian năm 2008, bà có công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước. Đến năm 2009 thì bà nghỉ làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước. Bà Ngô Minh Ch là chị ruột của bà M, bà Nguyễn Thị Kim D làm cùng với bà. Vào ngày 09/7/2009 thì bà Ngô Minh Ch có vay của bà Nguyễn Thị Kim D số tiền là 200.000.000 đồng. Giấy vay tiền này là do bà Ch viết. Bà và bà Ch có ký tên trong giấy vay tiền ngày 09/7/2009 này. Bà không vay tiền của bà D, số tiền 200.000.000 đồng này là do bà Ch vay bà D. Bà ký tên trong giấy vay tiền vì bà D yêu cầu phải có người thứ hai ký tên trong giấy vay tiền thì mới cho vay tiền. Vì vậy, bà Ch nói bà ký tên trong giấy vay tiền này cho bà Ch để bà Ch vay tiền của bà D nên bà mới ký tên trong giấy vay tiền. Giấy vay tiền ngày 09/7/2009 được viết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước, do bà Ch viết. Khi ký tên trong giấy vay tiền này chỉ có 03 người biết gồm bà, bà Ch và bà D. Và bà M cũng không đọc lại nội dung. Thực tế bà không vay số tiền nào của bà D. Việc giao nhận số tiền vay 200.000.000 đồng là giữa bà D với bà Ch, bà không biết gì về việc này. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện B làm việc lấy lời khai bà

Ch để bà Ch xác định số tiền này là do bà Ch vay hay bà D vay, bà Ch đã trả tiền cho bà D chưa, trả bao nhiêu và ý kiến của bà Ch hiện nay như thế nào.

Tại Biên bản hòa giải ngày 30/3/2017 của UBND xã M bà có trình bày “tôi và chị tôi là bà Ngô Minh Ch có vay của bà Nguyễn Thị Kim D số tiền là 200.000.000 đồng nhưng số tiền trên bà Ngô Minh Ch đã đại diện trả hết cho bà D có giấy chuyển tiền cho bà D và giấy nhận tiền của bà D”. Lý do tại UBND xã bà trình bày như vậy vì tờ giấy vay tiền có ghi nội dung thể hiện bà và bà Ch cùng vay nên bà mới trình bày như vậy. Hiện nay tại Tòa án thì bà xác định số tiền này do bà Ch vay bà D chứ bà không vay tiền bà D. Các giấy tờ liên quan đến việc vay tiền, trả tiền, giấy chuyển tiền cho bà D do bà Ch giữ, bà không giữ giấy tờ gì. Bà không cung cấp tài liệu chứng gì cho Tòa án. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà đề nghị bà D chuyển đơn về Tòa án thị xã Đồng Xoài giải quyết, khi đó bà Ch sẽ cung cấp và xác nhận việc vay và trả tiền cho bà D. Bà không vay tiền bà D nên bà không trả tiền cho bà D.

- Bị đơn bà Ngô Minh Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn B đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Tại biên bản lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Th trình bày: Ông với bà Ngô Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Do đó, việc vay mượn tiền giữa bà D, bà Ch và bà M thì ông không biết gì. Việc bà Ngô Thị M có vay tiền bà D hay không thì ông không biết. Sự việc vay mượn tiền vào năm 2009 giữa bà D, bà Ch và bà M xảy ra trước khi ông chung sống và kết hôn với bà M. Do đó, ông không liên quan gì đến vụ án này. Sau khi ông với bà M kết hôn thì ông với bà M làm ăn, chi phí sinh hoạt hàng ngày, phát triển kinh tế gia đình thì ông với bà M sử dụng tiền lương của vợ chồng để trang trải cuộc sống, ông không biết gì về số tiền vay mượn giữa bà Ch, bà M và bà D. Ông không liên quan gì đến vụ án này. Ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Ông không tham gia tố tụng gì trong vụ án này, ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì ông không liên quan gì.

- *Tại biên bản lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày:* Số tiền mà bà D vợ ông cho bà Ch và bà M vay thì ông không biết gì về số tiền này, số tiền này là tiền riêng của bà D không liên quan gì đến ông, ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Vì vậy, ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp. Mọi vấn đề liên quan trong vụ án ông ủy quyền cho bà D và ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D. Buộc bà Ngô Minh Ch và bà Ngô Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 250.000.000 đồng của nguyên đơn bà D đối với bị đơn bà Ch. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/4/2019 bị đơn bà Ngô Thị M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị M thay đổi yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

Bị đơn bà Ngô Minh Ch không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng đã trả cho bà D được thể hiện qua các phiếu chi bà Ch nộp tại phiên tòa Tòa án cấp phúc thẩm. Bà Ch đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị M. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ngày 09/7/2009 bà Ch có vay của bà D số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), giấy vay tiền do bà Ch viết, bà M và bà Ch cùng ký tên trong giấy vay tiền này. Mặc dù bà M cho rằng khi ký giấy vay tiền thì bà M

không được nhận tiền từ bà D và không sử dụng số tiền này nhưng bà M thừa nhận cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Ch thanh toán cho bà D số tiền trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Ngô Minh Ch cho rằng bà đã trả tiền cho bà D nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu bà Ch không nắm được, bà Ch có cung cấp cho HĐXX các phiếu chi và sổ giao nhận tiền có chữ ký nhận tiền của bà D thể hiện việc bà Ch đã trả tiền cho bà D làm nhiều lần từ thời điểm năm 2009 đến năm 2016. Tổng số tiền đã trả cho bà D thể hiện qua các phiếu chi và sổ giao nhận tiền là 276.300.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Bị đơn bà Ch cho rằng đã trả cho bà D đủ số tiền đã vay và tiền lãi do các bên đã thỏa thuận. Phía nguyên đơn bà D cho rằng các phiếu chi thể hiện bà D nhận tiền của bà Ch là của khoản tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) chứ không phải là của khoản vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Nhưng bà D lại không lý giải được các lần nhận tiền của bà Ch thể hiện tại các phiếu chi và sổ giao nhận tiền mà bà Ch đã cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa bà D trình bày giữa bà và bà Ch ngoài giao dịch vay nợ đối với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) ra thì không còn giao dịch nào khác. Đồng thời, bà D và bà Ch đều thừa nhận rằng việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng khi giải thích về số tiền đã nhận từ bà Ch thì bà D lại cho rằng đó là tiền lãi do bà Ch không trả được tiền gốc cho bà D nên bà Ch tự trả lãi cho bà D và được thể hiện qua các phiếu chi mà bà Ch cung cấp.

[3] Xét thấy, lời trình bày của bà D là có sự mâu thuẫn, đối với số tiền đã nhận từ bà Ch, lúc thì bà D trình bày bà nhận tiền của các khoản vay khác, các khoản vay đó giữa bà và bà Ch đã thanh toán xong, lúc thì bà D lại trình bày là các khoản tiền nhận từ bà Ch là của khoản tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 05/02/2010. Tại phiên tòa bà Ch đề nghị HĐXX xem xét lại số tiền bà Ch đã thanh toán cho bà D vì từ sau năm 2010 bà Ch chỉ nợ bà D số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) mà bà Ch đã viết lại giấy vay tiền ngày 5/2/2010.

Tuy nhiên, theo các tài liệu bà Ch cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm bà D chỉ thừa nhận những số tiền bà nhận có chữ kí của bà và không có chỉnh sửa các con số, còn những số tiền bà Ch kê ra mà không có chữ kí của bà và có sự chỉnh sửa con số thì bà không chấp nhận. Như vậy theo sự thừa nhận của bà D thì tổng số tiền bà D đã nhận từ bà Ch là 276.300.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) nhiều hơn so với số tiền bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà M. Đối với số tiền vượt quá số tiền bà D khởi kiện là 76.300.000 đồng (bao gồm: Số tiền 64.800.000 đồng tiền bà D làm răng; 4.000.000 đồng bà Ch chuyển khoản cho bà D thông qua kế toán theo biên lai ngày 19/3/2015; 2.000.000 đồng theo

phiếu chi ngày 10/6/2016; 2.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 6/2/2016; 3000.000 đồng theo phiếu chi ngày 7/12/2015 và 500.000 đồng) HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Ngô Minh Ch phải trả cho nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền này bà sẽ khởi kiện bà Ch tại Tòa án nhân dân thành phố Đ bằng một vụ án khác, bà D không yêu cầu giải quyết số tiền này tại Tòa án nhân dân huyện B. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà D khởi kiện bà Ch đối với số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì bà Ch có quyền đưa ra các tài liệu để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ngoài ra bà Ch còn cho rằng số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy nhận nợ ngày 05/02/2010 có nguồn gốc do bà và bà D chốt lại từ số tiền vay gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của giấy nợ ngày 09/7/2009 và tiền lãi của số tiền này mà bà Ch chưa thanh toán được cho bà D. Tuy nhiên, lời trình bày của bà Ch không được bà D thừa nhận, bà Ch lại không có tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc chốt nợ giữa bà và bà D tại giấy nhận nợ đề ngày 05/02/2010 để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do bà D đã rút yêu cầu đối với số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị M là có căn cứ. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

[5] Quan điểm trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị M tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể: $200.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.000.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu đồng)

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị M được chấp nhận nên bà M không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị M.

Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/02/2019 của
Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D
về việc yêu cầu bị đơn bà Ngô Minh Ch và bà Ngô Thị M phải thanh toán số
tiền nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ vào ngày
09/7/2009.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D khởi kiện bị đơn
bà Ch đối với số tiền 250.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” ngày 05/02/2010.
Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của
pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu
đồng) được khấu trừ vào số tiền 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn
đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số
0021536 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình
Phước. Số tiền còn lại bà D phải nộp là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn
đồng).

Bị đơn bà Ngô Minh Ch và bà Ngô Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ
thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Ngô Thị M không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà M số tiền
300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm
ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009713, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án
dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Thanh Thảo Nguyễn Văn Thư

Nguyễn Thị Nga